

*Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2016*

## THÔNG TƯ

## Về quản lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư về quản lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu.*

# Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết điểm a, điểm b, khoản 3 Điều 107 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 19/2015/NĐ-CP), bao gồm:

1. Tiêu chí phân loại khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu.
2. Hướng dẫn thực hiện hoạt động cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu.
3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành việc cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Chất gây ô nhiễm tồn lưu là các chất hóa học có tính chất bền vững trong môi trường tự nhiên được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này có hàm lượng vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

2. Nguồn ô nhiễm tồn lưu là nơi phát sinh hoặc nơi chứa một hoặc nhiều chất gây ô nhiễm tồn lưu có khả năng lan truyền ra môi trường xung quanh.

3. Khả năng lan truyền ô nhiễm là khả năng chất gây ô nhiễm tồn lưu có thể phát tán ra môi trường.

4. Đối tượng bị tác động là đối tượng bị ảnh hưởng bởi khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu bao gồm: con người, môi trường và hệ sinh thái.

5. Khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu (sau đây gọi tắt là khu vực bị ô nhiễm) là khu vực được phát hiện có một hoặc nhiều chất gây ô nhiễm tồn lưu vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường, ảnh hưởng xấu đến con người, môi trường và hệ sinh thái.

6. Bản đồ khu vực bị ô nhiễm là bản đồ thể hiện phạm vi, mức độ ô nhiễm, đường lan truyền của từng chất gây ô nhiễm tồn lưu và các đối tượng bị tác động.

7. Kiểm soát khu vực bị ô nhiễm là việc áp dụng các biện pháp, giải pháp kỹ thuật có tính chất lâu dài nhằm kiểm soát, ngăn chặn các tác động của nguồn ô nhiễm tồn lưu đến đối tượng bị tác động.

8. Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm (sau đây gọi tắt là phương án xử lý ô nhiễm) là các giải pháp kỹ thuật, công nghệ để giảm thiểu hoặc loại trừ các chất gây ô nhiễm tồn lưu trong môi trường và cải thiện chất lượng môi trường khu vực bị ô nhiễm.

## **Chương II** **PHÂN LOẠI, CẢI TẠO VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG** **KHU VỰC ĐẤT BỊ Ô NHIỄM TỒN LƯU**

### **Mục 1** **PHÂN LOẠI KHU VỰC ĐẤT BỊ Ô NHIỄM TỒN LƯU**

#### **Điều 4. Nguyên tắc và tiêu chí phân loại khu vực bị ô nhiễm**

1. Các khu vực bị ô nhiễm được phân loại theo mức độ rủi ro dựa trên các tiêu chí: nguồn ô nhiễm tồn lưu, khả năng lan truyền ô nhiễm và đối tượng bị tác động.

2. Các tiêu chí được đánh giá thông qua điểm trọng số. Phương pháp xác định điểm trọng số được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc xác định mức độ rủi ro của khu vực bị ô nhiễm căn cứ vào tổng điểm trọng số của các tiêu chí.

#### **Điều 5. Phân loại khu vực bị ô nhiễm**

Khu vực bị ô nhiễm được phân loại theo 03 (ba) mức độ rủi ro:

1. Mức độ rủi ro thấp là khu vực có tổng điểm trọng số của các tiêu chí dưới 40 điểm.

2. Mức độ rủi ro trung bình là khu vực có tổng điểm trọng số của các tiêu chí từ 40 điểm đến 60 điểm.

3. Mức độ rủi ro cao là khu vực có tổng điểm trọng số của các tiêu chí trên 60 điểm.

## **Mục 2**

### **ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ KHU VỰC ĐẤT BỊ Ô NHIỄM TỒN LƯU**

#### **Điều 6. Điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm**

1. Việc điều tra, đánh giá sơ bộ nhằm xác định khu vực có hoặc không có chất gây ô nhiễm tồn lưu có hàm lượng vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

2. Việc điều tra, đánh giá sơ bộ bao gồm các nội dung:

- a) Tổng hợp, rà soát các tài liệu liên quan đến khu vực có khả năng bị ô nhiễm;
- b) Khảo sát hiện trường khu vực có khả năng bị ô nhiễm;
- c) Tiến hành lấy mẫu, phân tích mẫu để xác định chất ô nhiễm tồn lưu, nguồn ô nhiễm tồn lưu và sơ bộ đánh giá mức độ ô nhiễm;
- d) Lập báo cáo kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ.

3. Quy trình điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm thuộc địa bàn quản lý. Căn cứ kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ, tiến hành các hoạt động sau:

a) Trường hợp không phát hiện chất ô nhiễm tồn lưu có hàm lượng vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thì tiến hành công bố thông tin khu vực không bị ô nhiễm tồn lưu;

b) Trường hợp phát hiện chất gây ô nhiễm tồn lưu có hàm lượng vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thì tiến hành điều tra, đánh giá chi tiết theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;

c) Trường hợp khu vực bị ô nhiễm thuộc địa bàn 02 (hai) tỉnh, thành phố trở lên (sau đây gọi tắt là liên tỉnh) thì báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Kinh phí thực hiện điều tra, đánh giá sơ bộ được bố trí từ nguồn chi sự nghiệp môi trường.

#### **Điều 7. Điều tra, đánh giá chi tiết khu vực bị ô nhiễm**

1. Việc điều tra, đánh giá chi tiết khu vực bị ô nhiễm nhằm xác định rõ các chất ô nhiễm tồn lưu; nguồn ô nhiễm tồn lưu; mức độ, quy mô, phạm vi ô nhiễm; khả năng lan truyền; các đối tượng bị tác động và trách nhiệm cải tạo và phục hồi môi trường.

2. Việc điều tra, đánh giá chi tiết bao gồm các nội dung:

- a) Lập kế hoạch chi tiết khảo sát thực tế hiện trường;
- b) Điều tra, khảo sát, lấy mẫu chi tiết tại hiện trường; thực hiện phân tích, đánh giá xác định chất gây ô nhiễm tồn lưu, mức độ ô nhiễm, quy mô, phạm vi ô nhiễm và đường lan truyền ô nhiễm;

c) Xây dựng bản đồ khu vực bị ô nhiễm (chất gây ô nhiễm, mức độ ô nhiễm, phạm vi ô nhiễm, đường lan truyền ô nhiễm);

d) Lập báo cáo kết quả điều tra, đánh giá chi tiết khu vực bị ô nhiễm.

3. Quy trình điều tra, đánh giá chi tiết khu vực bị ô nhiễm được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Kết quả điều tra, đánh giá chi tiết là căn cứ để xác định trách nhiệm cải tạo và phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm.

5. Kết quả điều tra, đánh giá chi tiết là cơ sở để phân loại mức độ rủi ro của khu vực bị ô nhiễm theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

6. Kinh phí thực hiện điều tra, đánh giá chi tiết được bố trí từ nguồn chi sự nghiệp môi trường.

### **Mục 3**

## **QUẢN LÝ, CẢI TẠO VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG; KIỂM TRA, XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CẢI TẠO VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG KHU VỰC ĐẤT BỊ Ô NHIỄM TỒN LƯU**

**Điều 8. Nguyên tắc quản lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm**

1. Đối với khu vực bị ô nhiễm có mức độ rủi ro thấp, tiến hành lập dự án cải tạo và phục hồi môi trường theo phương án kiểm soát khu vực bị ô nhiễm (sau đây gọi là dự án kiểm soát khu vực bị ô nhiễm) quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Đối với khu vực bị ô nhiễm có mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro cao, tiến hành lập dự án xử lý ô nhiễm theo phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường (sau đây gọi là phương án xử lý ô nhiễm) quy định tại Điều 10 Thông tư này.

3. Ưu tiên thực hiện xử lý ô nhiễm đối với khu vực bị ô nhiễm có mức độ rủi ro cao.

4. Ưu tiên lựa chọn các công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện môi trường, chi phí xử lý thấp.

5. Việc lập phương án xử lý ô nhiễm phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 9. Kiểm soát khu vực bị ô nhiễm**

1. Nội dung kiểm soát khu vực bị ô nhiễm bao gồm:

a) Thông báo công khai, cảnh báo và duy trì cảnh báo khu vực bị ô nhiễm;

b) Khoanh vùng, cô lập, cách ly nhằm ngăn ngừa các chất gây ô nhiễm lan truyền ra môi trường xung quanh;

c) Truyền thông, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân liên quan, cộng đồng sống xung quanh khu vực bị ô nhiễm;

d) Theo dõi, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường tại khu vực bị ô nhiễm và môi trường xung quanh; công bố thông tin về chất lượng môi trường.

2. Trách nhiệm lập, phê duyệt và triển khai dự án kiểm soát khu vực bị ô nhiễm:

a) Tổng cục Môi trường chịu trách nhiệm lập, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt dự án kiểm soát khu vực bị ô nhiễm liên tỉnh và giao Ủy ban nhân dân các tỉnh có khu vực bị ô nhiễm liên quan tổ chức thực hiện dự án;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án kiểm soát khu vực bị ô nhiễm thuộc địa bàn quản lý.

3. Kinh phí lập, phê duyệt và triển khai dự án kiểm soát khu vực bị ô nhiễm được bố trí từ nguồn chi sự nghiệp môi trường.

### **Điều 10. Lập phương án xử lý ô nhiễm**

1. Trách nhiệm lập phương án xử lý ô nhiễm:

a) Tổng cục Môi trường lập phương án xử lý ô nhiễm đối với khu vực bị ô nhiễm liên tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập phương án xử lý ô nhiễm đối với khu vực bị ô nhiễm thuộc địa bàn quản lý quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt;

c) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất khu vực bị ô nhiễm theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP lập phương án xử lý ô nhiễm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt.

2. Nội dung chính của phương án xử lý ô nhiễm bao gồm:

a) Thông tin chung về khu vực bị ô nhiễm;

b) Kết quả điều tra và đánh giá mức độ rủi ro của khu vực bị ô nhiễm;

c) Lựa chọn phương thức xử lý tại chỗ hoặc vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định;

d) Biện pháp kỹ thuật, công nghệ giảm thiểu hoặc loại bỏ các chất gây ô nhiễm tồn lưu tại khu vực bị ô nhiễm;

đ) Giám sát, kiểm soát trong và sau xử lý;

e) Lộ trình và kế hoạch thực hiện phương án xử lý ô nhiễm.

Nội dung chi tiết của phương án xử lý ô nhiễm được quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tổ chức, cá nhân phải lập lại phương án xử lý ô nhiễm trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi quy hoạch sử dụng đất tại thời điểm triển khai thực hiện phương án xử lý ô nhiễm;

b) Thay đổi quy mô, phương thức, biện pháp kỹ thuật và công nghệ xử lý so với phương án xử lý ô nhiễm đã được phê duyệt.

4. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này phải lấy ý kiến cộng đồng dân cư bị tác động và phải có sự đồng thuận của cộng đồng dân cư bị tác động về phương án xử lý ô nhiễm.